TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/KDTM-ST
Ngày 19 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Huỳnh Minh Bền
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Như - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2025/TLST- KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần T
Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà E, số A Đ, phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
1. Bà Trần Thùy V; Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Số A, T, Phường A, Quận T, TP . Hồ Chí Minh (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Trà M; Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Số B, Khu phố B, Phường A, Quận A, TP . Hồ Chí Minh (có mặt)
(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/02/2025)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1991, là Luật sư thuộc Công ty L và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư T1 (vắng mặt)
- *Bị đơn:* Công ty TNHH C
Địa chỉ trụ sở: Số A, đường L, Khóm D, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Minh K, sinh năm 1978, chức danh: Tổng giám đốc.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ngày 17/02/2020, Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C) ký Hợp đồng bán hàng nguyên tắc số 0502/2020/HĐNT/DGW, đính kèm theo các Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03 về việc Công ty T bán cho Công ty C theo từng đơn đặt hàng với hàng hóa bao gồm các thiết bị, linh kiện điện tử.

Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, các bên vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Đến ngày 29/12/2023, Công ty C đã gửi Đơn đặt hàng mua 119 Máy tính để bàn (PC) ASUS D5000TD 15-12500/8GB/256GB-SSD/TPM/B660/KB/M/300W/W11P/3Y-OSS/DEN(D500TD-512500105X). Công ty T đã phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng số 503746 ngày 29/12/2023 cho Công ty C với tổng giá trị là 1.558.900.012đ, đã bao gồm thuế VAT, đồng thời, đồng ý tăng thời hạn công nợ với Đơn hàng này lên 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty T đã tiến hành giao toàn bộ số hàng hóa này cho Công ty C theo Biên nhận chuyển hàng số 24122452 ngày 03/01/2024. Theo quy định tại Điều 6.1 của Hợp đồng, Công ty C có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của đơn hàng cho Công ty T chậm nhất là vào ngày 28/01/2024.

Nhưng Công ty C chỉ thanh toán số hàng trên được hai lần vào các ngày 3/01/2024 và ngày 15/01/2024 với tổng tiền là 623.560.005đ rồi viện nhiều lý do mà không tiếp tục thanh toán tiếp số tiền còn thiếu.

Đến ngày 27/5/2024, Công ty T đã gửi Công văn số 16/2024/CV-DGW đến Công ty C về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền 957.788.160đ, bao gồm số tiền còn thiếu là 935.340.000đ và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 27/5/2024 là 22.448.160đ. Công ty C đã xác nhận số tiền còn lại tiền lãi chậm thanh toán như trên tại Biên bản xác nhận công nợ đến hết ngày 27/5/2024 và Biên bản xác nhận chiết khấu thanh toán và lãi trả chậm số 111/05-2024/FIN/DGW ngày 27/05/2024.

Ngoài ra, tại Biên bản họp về việc xử lý công nợ quá hạn ngày 28/5/2024, Công ty C còn cam kết sẽ thanh toán đầy đủ khoản nợ chậm nhất vào ngày 15/6/2024 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Do Công ty C không thực hiện thanh toán nợ nên Công ty cổ phần T khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc còn lại từ Đơn đặt hàng mua 119 Máy tính để bàn nêu trên là: 935.340.000đ và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,02%/ngày, tính từ ngày chậm trả 29/01/2024 đến ngày 19/5/2025 là 89.231.436đ, tổng cộng là 1.024.571.436đ. Và yêu cầu thực hiện thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với Công ty TNHH C đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay Công ty TNHH C vẫn vắng mặt và không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ngày 16/5/2025 thể hiện:

Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty T và Công ty C tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và hành vi dân sự đầy đủ, cụ thể, đại diện có thẩm quyền hợp pháp của hai bên đã ký kết và đóng dấu đầy đủ nên hợp đồng mà các bên ký kết có hiệu lực.

Công ty T đã phát hành hoá đơn đến Công ty C ngày 29/12/2023 cũng như đã gửi toàn bộ hàng hóa theo Biên nhận chuyển hàng ngày ngày 03/01/2024. Theo quy định tại Điều 6.1 của Hợp đồng và Công văn số 79/03-2021/FIN/DGW ngày 24/3/2021, Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty T xuất hoá đơn, có nghĩa là Công ty C phải thanh toán toàn bộ giá trị hàng hoá cho Công ty T chậm nhất là vào ngày 28/01/2024.

Vào các ngày 03/01/2024 và ngày 15/01/2024, Công ty C chỉ mới thực hiện thanh toán hai lần với tổng tiền thanh toán là 623.560.005đ. Ngày 27/5/2024, tại các Biên bản xác nhận, Công ty C cũng đã xác nhận số tiền công nợ còn lại và tiền lãi chậm thanh toán như đã nêu.

Do Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T có quyền yêu cầu Công ty C thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn lại và lãi suất là 0,02%/ngày tương ứng với số ngày chậm thanh toán theo các quy định tại Điều 6.3 của hợp đồng, khoản 2 Mục II của Công văn số 79/03-2021/FIN/DGW ngày 24/3/2021.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Công ty C thanh toán nợ gốc là 935.340.000đ và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 0,02%/ngày, tính từ ngày 29/01/2024 đến ngày 19/5/2025, là 89.231.436đ, tổng cộng là 1.024.571.436đ. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Bị đơn là Công ty TNHH C đã được tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 30 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán tiền mua bán hàng hóa và lãi phát sinh của Công ty cổ phần T, xét thấy, Hợp đồng bán hàng nguyên tắc số 0502/2020/HĐNT/DGW ngày 17/02/2020, đính kèm theo các Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03 về việc Công ty T bán cho Công ty C theo từng đơn đặt hàng với hàng hóa bao gồm các thiết bị, linh kiện điện tử được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Đơn hàng mua 119 máy tính để bàn (PC) ASUS D5000TD 15-12500/8GB/256GB-SSD/TPM/B660/KB/M/300W/W11P/3Y-OSS/DEN(D500TD-512500105X) ngày 29/12/2023 với số tiền là 935.340.000đ nên Công ty T yêu cầu Công ty C thanh toán các khoản nợ gốc 935.340.000đ và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,02%/ngày, tính từ ngày 29/021/2024 đến ngày 19/5/2025 là 89.231.436đ, tổng cộng các khoản vốn và lãi là 1.024.571.436đ, là phù hợp với quy định tại các Điều 6.1, 6.3 của Hợp đồng bán hàng nguyên tắc số 0502/2020/HĐNT/DGW ngày 17/02/2020, Công văn số 79/03-2021/FIN/DGW ngày 24/3/2021, Biên bản xác nhận công nợ đến hết ngày 27/5/2024 và Biên bản xác nhận chiết khấu thanh toán và lãi trả chậm số 111/05-2024/FIN/DGW ngày

27/05/2024 mà các bên đã ký kết và đối chiếu, phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu Công ty TNHH C thực hiện thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn, xét thấy yêu cầu này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự về kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần T2 phải chịu; Công ty TNHH C phải chịu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 357 Bộ luật dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty cổ phần T tổng số tiền là 1.024.571.436đ (Một tỷ không trăm hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi mốt ngàn bốn trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó, nợ vốn là 935.340.000đ, nợ lãi là 89.231.436đ.

Kể từ ngày Công ty cổ phần T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự về kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH C phải nộp 42.737.000đ (chưa nộp).

Công ty cổ phần T2 phải nộp. Công ty cổ phần T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.107.612đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3 ngày 25/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Công ty cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lu TM (TANDTPCM).

Lê Thị Kim Oanh